

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 08/3/2024

V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Thanh.

Bà Vũ Thị Dung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 455/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 445/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 317/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2023 và các Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Tố U, sinh ngày 25/11/1995,

ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Khu A, thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Phong T, sinh ngày 03/8/1990,

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

(Các đương sự vắng mặt, chị U có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Hoàng Thị Tố U trình bày: Chị và anh Nguyễn Phong T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương ngày 14/10/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng sang Lào làm ăn đến Tết năm 2016 thì cùng về nước. Sau đó chị mang thai nên vợ chồng ở lại Việt Nam đến khi sinh con thì anh T tiếp tục sang Lào làm ăn cho đến nay, thỉnh thoảng anh có về phép thăm gia đình. Quá trình chung sống nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống trái ngược nhau, vợ chồng không thống nhất được cuộc sống chung. Chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2019 và đã khuyên bảo anh T về nước để vun vén hạnh phúc gia đình nhưng anh không về. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, không quan tâm đến nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị liên lạc với anh T và anh T cũng đã ký đơn ly hôn, tuy nhiên anh không về nước để đến tòa án được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Phong T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Hạ V, sinh ngày 25/10/2016, hiện con đang ở với chị. Chị đề nghị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con thành niên tròn 18 tuổi, chị tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung cũng như không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị U không cung cấp được địa chỉ của anh T nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh T. Bà Trần Thị N (là mẹ đẻ anh T) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh T vẫn liên lạc với gia đình qua điện thoại, bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh T biết. Anh T không có ý kiến bằng văn bản gửi về cũng như không trình bày quan điểm đối với yêu cầu xin ly hôn của chị U. Ngày 05/02/2024 anh T về nước, anh đã xuống nói chuyện với chị U nhưng vợ chồng không đoàn tụ được nên anh tiếp tục sang Lào làm việc. Ngoài ra bà N trình bày quá trình chung sống vợ chồng có thời gian sang Lào làm ăn, tuy nhiên chị U đi được một thời gian ngắn thì về nước, còn anh T vẫn đang lao động tại Lào. Chị U đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2019 cho đến nay, không quan tâm đến gia đình nhà chồng, bà nhiều lần yêu cầu chị U về nhà nhưng chị U không về, vợ chồng sống xa cách mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay chị U xin ly hôn bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị U, anh T đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Quá trình chung sống vợ chồng, anh T có thời gian dài

đi lao động tại Lào đến nay chưa về nước mà chỉ về phép xong lại đi làm ăn. Hiện tại chị U đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở không sống cùng gia đình nhà chồng. Vợ chồng chủ yếu sống xa cách mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị U có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị Tố U ly hôn anh Nguyễn Phong T. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hoàng Hạ Vy cho chị U chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của chị U không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị U phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Hoàng Thị Tố U đang sinh sống tại Việt Nam, bị đơn anh Nguyễn Phong T có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương, hiện anh T đang lao động tại Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. Mặc dù công văn của Cục Q không thể hiện việc anh T xuất cảnh, nhưng chị U và bà N khẳng định anh T đang lao động, sinh sống tại Lào. Công văn của Cục Q ngày 23/02/2024 thể hiện, anh T có thông tin xuất nhập cảnh nhiều lần, lần gần nhất nhập cảnh ngày 03/02/2024, hộ chiếu của anh T có giá trị sử dụng đến ngày 10/11/2024. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị U không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh T. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh Thiên cung c địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà N là mẹ đẻ anh T để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị U và anh T đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Bà N có liên lạc với anh T và đã thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị U và anh T, anh T về nước cũng không trình bày quan điểm. Tại phiên tòa chị U vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng

mặt, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Tố U và anh Nguyễn Phong T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương ngày 14/10/2015 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng cùng có thời gian đi lao động tại Lào, chị đã về nước từ năm 2016, còn anh T chưa về nước. Vợ chồng không thống nhất được cuộc sống chung, quan điểm sống trái ngược nhau. Chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2019 cho đến nay, không quan tâm đến nhau. Chị U xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Thông qua gia đình anh T không có quan điểm về việc ly hôn. Ngày 05/02/2024, anh T về nước nhưng không có quan điểm, mong muốn hòa giải đoàn tụ, anh không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị U nhiều lần động viên anh về nước để vun vén hạnh phúc gia đình nhưng anh không về, điều đó chứng tỏ anh không mong muốn và cũng không có nguyện vọng đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy, thời gian vợ chồng sống ly thân từ lâu, mâu thuẫn giữa chị U và anh T đã được gia đình hai bên nhiều lần khuyên bảo hòa giải đều không có kết quả chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị Tố U.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Hoàng Thị Tố U và anh Nguyễn Phong T có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Hạ V, sinh ngày 25/10/2016, hiện con đang ở với chị U. Chị U đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung cho đến khi con thành niên (tròn 18 tuổi) và tạm thời không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, anh T không có quan điểm về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại anh T không có mặt tại Việt Nam nên không có đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung hơn nữa anh cũng không có nguyện vọng đề nghị được nuôi con. Con chung Nguyễn Hoàng Hạ V đang do chị U chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định và cháu có nguyện vọng được ở với chị U. Do vậy, cần giao con chung Nguyễn Hoàng Hạ V1 cho chị U tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị U tạm thời không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị U, anh T cùng xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Hoàng Thị Tố U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) theo quy định của pháp luật.

*Vì những lẽ trên:*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Tô U.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị Tô U ly hôn anh Nguyễn Phong T.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Hoàng Thị Tô U tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Hoàng Hạ V1, sinh ngày 25/10/2016 cho đến khi con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị U tạm thời không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị Tô U phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0000322 ngày 23/11/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị U đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị Tô U được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Phong T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Thúc Kháng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Xuân Trường**

